TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày: 05/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nghiêm Đình Hiệu, Ông Nguyễn Viết Khang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K.

Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Tạ Đình Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2023/HSST, ngày 22 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: A B (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh ngày 19 tháng 3 năm 1988 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giẻ Triêng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông A N (*Đã chết*); Con bà Y N; sinh năm: 1954; Vợ: Y X; sinh năm: 1988; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ ngày 19/12/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Y X (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10 tháng 6 năm 1988 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giẻ Triêng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông A V, sinh năm: 1945; Con bà Y Á (*Đã chết*); Chồng: A B ; sinh năm: 1988. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ ngày 19/12/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Y N (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1994 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giẻ Triêng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông A L; sinh năm: 1972; Con bà Y N; sinh năm: 1972; Bị cáo chung sống như vợ chồng với A N và có một con chung, sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ ngày 19/12/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: A N (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 17 tháng 5 năm 1995 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giẻ Triêng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông A Bl, sinh năm: 1970; Con bà Y Dét, sinh năm: 1972; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Y N và có một con chung, sinh năm 2014.

Tiền án: Ngày 07/4/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh K tuyên phạt 08 (*Tám*) năm tù về tội "Giết người". Ngày 27/4/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống. Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ ngày 19/12/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: A Bl (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giẻ Triêng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông A Trét (*Đã chết*); Con bà Y Mót (*Đã chết*); Vợ: Y Dét; sinh năm: 1972; Bị cáo có ba người con; Con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Nhân thân: Ngày 07/4/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh K tuyên phạt 06 (*Sáu*) tháng 21 (*Hai mươi mốt*) ngày tù về tội "Che dấu tội phạm". Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo đã được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ ngày 19/12/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ

Đại diện pheo pháp luật: Ông Lương Văn P – Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ tỉnh K.

Người được ủy quyền: Ông Lê Thanh G – Phó Trưởng ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ; Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông A Lả; Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Có mặt).

+ Ông A Viên; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Có mặt).

+ Ông Lê Văn Tuấn; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Có mặt).

+ Ông A Vinh; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Có mặt).

+ Ông A Ba; Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 12/2021, A B (*Sinh năm: 1988; trú tại: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K*) cùng vợ là Y X (*Sinh năm: 1988*) có ý định xây nhà mới tại thôn R nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, không đủ tiền mua vật liệu để hoàn thiện ngôi nhà nên A B nảy sinh ý định khai thác gỗ rừng để làm hoàn thiện ngôi nhà. A B bàn bạc với Y X lên rừng chặt cây về làm nhà thì Y X đồng ý. Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 15/12/2021, A B đến nhà A Viên (*Sinh năm: 1996*) trú cùng thôn, mượn 01 (*Một*) cưa máy của A Viên, nói dối là dùng để cắt cây bời lời thì A Viên đồng ý. Sau đó, A B , Y X mang theo cơm, nước uống, xăng, nhớt, cưa máy đi bộ đến khu vực rừng phòng hộ thuộc lô 2, khoảnh 1, Tiểu khu 35 thuộc lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Đ để thực hiện việc khai thác gỗ trái pháp luật. Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 22/12/2021, A B , Y X đã khai thác trái phép 07 (*Bảy*) cây Thông ba lá. Tổng khối lượng là **7,081**m^3 (*Bảy phẩy không tám một mét khối*); sau khi cưa hạ cây, A B cưa xẻ thành nhiều cây gỗ nhỏ với khối lượng là **3,11**m^3 (*Ba phẩy một một mét khối*) rồi cùng với Y X kéo bộ về

nhà, số gỗ còn bỏ lại tại hiện trường là **3,971**m^3 (*Ba phẩy chín bảy một mét khối*). Toàn bộ số gỗ đưa về, A B , Y X đã sử dụng hết để làm hoàn thiện ngôi nhà.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 12/2021, Y N (*Sinh năm: 1994; trú tại: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K*) muốn làm nhà ra ở riêng tại thôn R nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, không có tiền mua vật liệu, nên nảy sinh ý định cắt gỗ trên rừng về làm nhà; sau khi nảy sinh ý định, Y N bàn bạc với A N (*Sinh năm: 1994; là người chung sống như vợ chồng với Y N*) thì A N đồng ý, sau đó, A N, Y N nhờ A Bl (*Sinh năm: 1970; là bố đẻ của A N*) trú cùng thôn đi cắt gỗ giúp thì A Bl đồng ý. Ngày 20/12/2021, Y N mượn 01 (*Một*) chiếc xe mô tô độ chế của Lê Văn Tuấn (*Sinh năm: 1992*) trú cùng thôn để kéo gỗ về nhà. Sau đó, A N điều khiển xe mô tô chở Y N, A Bl mang theo cưa máy, xăng, nhớt, đồ ăn, nước uống đi lên rừng. Khi đến khu vực rừng phòng hộ thuộc lô 2, khoảnh 5, Tiểu khu 34 thuộc lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Đ, A N, A Bl thay nhau cưa hạ, cắt xẻ 06 (*Sáu*) cây Thông ba lá, tổng khối lượng **6,831**m^3 (*Sáu phẩy tám ba một mét khối)*, còn Y N phụ lật gỗ, bắn mực. Sau khi cưa xẻ thành các hộp và xà gồ, A N, A Bl, Y N sử dụng xe mô tô vận chuyển gỗ về nhà. Ngày 21/12/2021, A N, A Bl, Y N tiếp tục đến khu vực rừng phòng hộ thuộc lô 2, khoảnh 5, Tiểu khu 33 thuộc lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Đ khai thác thêm 06 (*Sáu*) cây Chò Xót, tổng khối lượng là **2,537**m^3 (*Hai phẩy năm ba bảy mét khối)*. Tổng khối lượng gỗ mà A N, A Bl, Y N khai thác trái pháp luật là **9,367**m^3 (*Chín phẩy ba sáu bảy mét khối*), trong đó khối lượng gỗ đã lấy về sử dụng làm nhà là **3,276**m^3 (*Ba phẩy hai bảy sáu mét khối*), số gỗ còn lại tại hiện trường là **6,091**m^3 (*Sáu phẩy không chín một mét khối*).

Từ ngày 20/3/2022 đến ngày 22/3/2022, Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm vùng IV phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện Đ, Ban quản lý rừng phòng hộ Đ (*Chủ rừng*) tiến hành kiểm tra, phát hiện vụ khai thác rừng trái pháp luật nêu trên. Sau đó, vụ việc được bàn giao cho Hạt Kiểm huyện lâm Đ thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vị trí xảy ra khai thác rừng trái phép: Tại lô 2, khoảnh 5, Tiểu khu 33; lô 2, khoảnh 5, Tiểu khu 34; lô 2, lô 13, khoảnh 1, Tiểu khu 35 - Lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Đ, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; loại rừng tự nhiên; chức năng: Rừng phòng hộ, trạng thái rừng lá kim trung bình (*LKB*).

Qua đo đạc xác định: Tổng số khối lượng gỗ bị khai thác trái phép là 31 (*Ba mươi mốt*) cây, phù hợp với 77 (*Bảy mươi bảy*) lóng gỗ và 01 (*Một*) hộp gỗ xẻ còn tại hiện trường và lấy đi khỏi hiện trường, trong đó:

- 40 (*Bốn mươi*) lóng gỗ mất khỏi hiện trường (*Chưa xác định được đối lượng*).

- 37 (*Ba mươi bảy*) lóng gỗ và 01 (*Một*) hộp gỗ xẻ còn tại hiện trường có tổng khối lượng (*Đã trừ bọng*) là **18,525**m^3 (*Mười tám khối năm hai năm*) gỗ quy tròn. Chủng loại nghi: Thông 3 lá – nhóm IV, Chò xót – nhóm V, gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm.

Kết luận giám định tư pháp ngày 08/6/2022 kết luận: Tổng khối lượng gỗ tròn bị khai thác trái phép của 31 cây bị cưa hạ xác định được là **28,654**m^3, trong đó khối lượng gỗ đã mất khỏi hiện trường là **10,129**m^3, số gỗ còn lại tại hiện trường là **18,525**m^3. Chủng loại gỗ: Thông 3 lá – Nhóm IV, Chò Xót – Nhóm V

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận:

- Giá trị thiệt hại về môi trường rừng: Không xác định.

- 07 cây Thông ba lá, nhóm IV, khối lượng **7,081**m^3 do A B , Y X khai thác có giá trị **21.951.100**đ (*Hai mươi một triệu chín trăm năm một nghìn một trăm đồng),* thời điểm định giá tháng 12/2021;

- 12 cây gồm 06 cây Thông ba lá, nhóm IV và 06 cây Chò xót, nhóm V; tổng khối lượng **9,368**m^3 do A N, Y N, A Bl khai thác có giá trị **27.011.200**đ (*Hai mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn hai trăm đồng*), thời điểm định giá tháng 12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền tương ứng với giá trị thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra.

Cáo trạng số 01/CT-VKSHĐG ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo A B , Y X, Y N, A N và A Bl về tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A B từ 12 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo: Y X, từ 9 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; Y N từ 12 đến

18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Giao các bị cáo Y X, Y N cho UBND xã Đ huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A N từ 18 đến 24 tháng tù.

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A Bl từ 12 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, do vậy đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (*Một*) cưa máy, màu đỏ đen, không rõ nhãn hiệu, không có lam cưa, đã qua sử dụng và bị hư hỏng. Đây là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu sung quỹ 10,061 m3 gỗ, chủng loại Thông ba lá (Nhóm IV) và Chò xót (Nhóm V) theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án huyện Đ ngày 31 tháng 3 năm 2023.

- Các bị cáo A B , Y X, Y N, A N và A Bl đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để bồi thường khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001309 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án huyện Đ và giấy uỷ nhiệm chi số 01 ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án huyện Đ. Đề nghị HĐXX giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ để quản lý, sử dụng vào việc chăm sóc phục hồi rừng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo xin được miễn án phí, vì vậy đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì.

Các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

- Do điều kiện kinh tế khó khăn không có tiền mua vật liệu để hoàn thiện nhà ở, nên từ ngày 15 đến ngày 22 tháng 12 năm 2021 bị cáo Y X và chồng là A B đã vào lô 2 khoảnh 1 tiểu khu 35 thuộc lâm phần BQL rừng phòng hộ huyện Đ khai thác 07 cây thông 3 lá, tổng khối lượng 7,081 m^3, trị giá 21.951.100 đồng.

- Cùng thời điểm cuối năm 2021, do điều kiện kinh tế khó khăn không có tiền mua vật liệu để hoàn thiện nhà ở, nên từ ngày 20 đến ngày 21 tháng 12 năm 2021, bị cáo Y N, A N, A Bl đã vào lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 33 thuộc lâm phần BQL rừng phòng hộ huyện Đ cắt hạ 12 cây gỗ (6 cây thông ba lá và 6 cây Chò xót), tổng khối lượng gỗ bị khai thác là 9,367 m^3, trị giá 27.011.200 đồng.

Hai nhóm Y X, A B và Y N, A N, A Bl thực hiện hành vi độc lập không có sự cấu kết, bàn bạc, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm từng phần do nhóm mình gây ra.

Hành vi của các bị cáo A B , Y X, Y N, A N và A Bl đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lí nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Đ. Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật mà vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình đã gây ra. HĐXX nhận thấy, cần phải xử phạt các bị cáo với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tích chất giản đơn, tuy từng nhóm các bị cáo có sự thống nhất ý chí từ trước, có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm từng đồng phạm:

Nhóm thứ nhất:

- Đối với bị cáo A B là người chủ mưu, khởi xướng và là người thực hành tích cực, trực tiếp cầm máy cưa, cưa hạ và xẻ gỗ, do vậy phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Y X. HĐXX xét nhận thấy cần buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo Y X là người thực hành tích cực cho bị cáo A B trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội; Tuy nhiên, bị cáo Y X với vai trò thứ yếu, hơn nữa bị cáo đang còn nuôi con nhỏ (con sinh năm 2013). HĐXX nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để bị cáo Y X được hưởng án treo (có thời gian chăm sóc con nhỏ).

Nhóm thứ nhất:

- Đối với bị cáo Y N, tuy là người khởi xướng, trực tiếp rủ bị cáo A N và A Bl vào rừng khai thác gỗ nhưng không trực tiếp cưa hạ xẻ gỗ mà chỉ cùng chuẩn bị công cụ như cưa máy, xăng nhớt, đồ ăn, nước uống và vận chuyển gỗ về nhà. Tuy nhiên, bị cáo Y N đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2014). HĐXX nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo răn

đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để bị cáo Y X được hưởng án treo (có thời gian chăm sóc con nhỏ).

- Đối với bị cáo A N và A Bl là người thực hành tích cực, khi nghe Y N khởi xướng đã thống nhất, cùng chuẩn bị công cụ phương tiện và trực tiếp cưa, hạ, xẻ gỗ. Hơn nữa bị cáo A N đang có một tiền án về tội "Giết người" chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. A Bl có nhân thân sấu mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Để xem xét quyết định hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để có một mức án tương ứng, vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với các bị cáo A B , Y X, Y N Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bồi thường khắc phục hậu quả. Các bị cáo đều có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị cáo A B có bố (A Nỷ) là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng *"Huy chương kháng chiến hạng nhất"(khoản 2 điều 51 BLHS);* Bị cáo Y N, Y X đang nuôi con nhỏ; đây là những tình tiết giảm nhẹ khác cần áp dụng cho các bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo A Bl, A N Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vị phạm tội của mình, bồi thường khắc phục hậu quả. Đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo A B , Y X, Y N, A Bl không phải chịu.

- Đối với bị cáo A N, ngày 07/4/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh K xử phạt 08 (Tám) năm tù về tội "Giết người", A N chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, do đó bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Tái phạm",* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS;

Đối với bị cáo A Bl ngày 07/4/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh K xử phạt 06 (Sáu) tháng 21 ngày tù (thời hạn tù bằng với thời hạn bị tạm giam) về tội "Che giấu tội phạm". Tính đến thời điểm phạm tội lần này, đã được xóa án tích. Do vậy xem xét về nhân thân là xấu.

[6] Về hình phạt bổ sung: HĐXX nhận thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định (làm nông), là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã biên giới, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra. Tại phiên toà, các bị cáo A B , Y X, Y N, A N, A Bl đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại. Các bị cáo A B , Y X, đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để bồi thường khắc phục hậu quả. A B và Y X đã khai thác 7,081m^3 và đã sử dụng để làm nhà là 3,11m^3, chủng loại Thông ba lá (đơn giá 3.100.000 đồng/m^3) trị giá 9.640.000 đồng ; [3,11m^3 x 3.100.000đ = 9.640.000 đồng (làm tròn số)]. Như vậy, sau khi đã trừ đi số tiền mà bị cáo A B , Y X đã nộp số tiền để bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng - 9.640.000 đồng = 360.000 đồng (dư 360.000 đồng), nhưng bị cáo A B và Y X không nhận lại.

Y N, A N và A Bl đã khai thác 9,367m^3 và đã sử dụng để làm nhà là 3,267m^3, trong đó 2,19 m^3 Thông ba lá (đơn giá 3.100.000 đồng/m^3) và 1,07 m^3 Chò Xót (đơn giá 2.300.000 đồng/m^3) trị giá 9.250.000 đồng (làm tròn số); [gỗ thông là 2.19 m^3 x 3.100.000đ = 6.789.000 đồng; gỗ chò xót là 1,07m^3 x 2.300.000đ = 2.461.000 đồng]. Các bị cáo Y N, A N, A Bl đã nộp số tiền để bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng - 9.250.000 đồng = 750.000 đồng (dư 750.000 đồng), nhưng các bị cáo Y N, A N và A Bl không nhận lại.

HĐXX nhận thấy, cần giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ quản lý, sử dụng chăm sóc và phát triển rừng.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cưa máy màu đỏ đen, không rõ nhãn hiệu, không có lam cưa, đã qua sử dụng và bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, đây là công cụ mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ 10,061 m^3 gỗ, chủng loại Thông ba lá (Nhóm IV) và Chò xót (Nhóm V) theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án huyện Đ ngày 31 tháng 3 năm 2023.

[9] Ngoài ra, trong vụ án còn có những người liên quan:

Đối với cán bộ BQL rừng phòng hộ Đ, theo Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS, ngày 31/01/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị thiệt hại đối với số gỗ bị khai thác trái phép chưa đủ yếu tố cấu thành tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*. Ban quản lý

rừng phòng hộ Đ đã tổ chức kiểm điểm, xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cá nhân liên quan theo thẩm quyền.

Đối với A Viên: Quá trình điều tra xác định, khi cho A B mượn cưa máy thì A Viên hoàn toàn không biết việc A B , Y X sử dụng để thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép. Do đó không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với A Viên.

Đối với Lê Văn Tuấn: Quá trình điều tra xác định, khi cho Y N mượn chiếc xe mô tô độ chế thì Tuấn hoàn toàn không biết việc Y N, A N, A Bl sử dụng để vận chuyển gỗ khai thác trái phép. Do đó không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn Tuấn.

Ngoài ra còn có số gỗ khai thác trái phép mất không còn ở hiện trường, các đối tượng khai thác chưa xác định được, do vậy khi có đủ cơ sở sẽ xem xét xử lý ở một vụ án khác.

[10] Về án phí: Tại phiên tòa, các bị cáo xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo A B , Y X, Y N, A N và A Bl phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo A B 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Y X 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 05/5/2023.

Xử phạt bị cáo Y N 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 05/5/2023.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 BLHS. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Giao các bị cáo Y X, Y N cho UBND xã Đ huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo A N 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo A Bl 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 cưa máy màu đỏ đen, không rõ nhãn hiệu, không có lam cưa, đã qua sử dụng, bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 10,061 m^3 gỗ, chủng loại Thông ba lá (Nhóm IV) và Chò xót (Nhóm V).

Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án huyện Đ ngày 31 tháng 3 năm 2023.

- Giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ quản lý, sử dụng vào việc chăm sóc phục hồi rừng số tiền tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) mà các bị cáo A B , Y X, Y N, A N và A Bl đã tự nguyện nộp số để bồi thường khắc phục hậu quả (Số tiền dư các bị cáo không nhận lại), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001309 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án huyện Đ và giấy uỷ nhiệm chi số 01 ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án huyện Đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1, khoản 3 điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/5/2023).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Đình Tài